

CHƯƠNG 3

T NG QUAN V NGHI P V C P TÍN D NG

NỘI DUNG CHƯƠNG 3

I

Những vấn đề cơ bản về tín dụng

II

Quy trình tín dụng

III

Đảm bảo tín dụng

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

1. Khái niệm:

Tín dụng ngân hàng là quan hệ chuyển nhượng quyền sử dụng vốn từ ngân hàng cho khách hàng trong một thời hạn nhất định với một khoản chi phí nhất định.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

2. Cơ sở pháp lý:

❖ Văn bản luật – pháp lệnh:

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Các văn bản luật khác liên quan đến hoạt động tín dụng ngân hàng...
- Pháp lệnh quản lý ngoại hối

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

2. Cơ sở pháp lý:

- ❖ Nghị định của chính phủ: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006
- ❖ Các văn bản do NHNN ban hành: 1627/2001/QĐ/NHNN ngày 31/12/2001
- ❖ Các quyết định, thông báo của TCTD ban hành

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

3. Nguyên tắc tín dụng:

❖ Vốn vay phải sử dụng đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

❖ Khoản vay phải được hoàn trả đầy đủ cả vốn gốc và lãi vay theo đúng thời hạn đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

4. Điều kiện cấp tín dụng:

- 
- Năng lực pháp lý
 - Năng lực tài chính
 - Phương án kinh doanh
 - Mục đích sử dụng vốn
 - Đảm bảo nợ vay

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

❖ Những nhu cầu vốn không được cấp tín dụng:

- Đáp ứng nhu cầu vốn để mua sắm các tài sản và các chi phí hình thành nên các tài sản mà pháp luật cấm mua bán, chuyển nhượng, chuyển đổi.

- Để thanh toán cho một khoản vay khác hiện hữu tại các ngân hàng (*vay đảo nợ*).

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

- ❖ Những khách hàng không được ngân hàng cho vay:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc) của ngân hàng.
 - Bố, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc) của ngân hàng.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

5. Thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay là khoảng thời gian tính từ khi bên vay nhận khoản tiền vay đầu tiên cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Căn cứ để xác định thời hạn cho vay:

- Phương thức cho vay
- Phương án kinh doanh
- Khả năng trả nợ của khách hàng
- Khả năng nguồn vốn của ngân hàng

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

6. Lãi suất cho vay:

❖ Nguyên tắc xây dựng lãi suất:

- Trên cơ sở cung cầu tín dụng.
- Được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát.

$LS_{HĐ} = \text{Tỷ lệ LP} + \text{Lãi suất thực}$

$LS \text{ cấp tín dụng} = LS \text{ huy động} + \text{Chi phí} + \text{Thuế} + \text{Lợi nhuận}$

$LS \text{ cấp tín dụng} > \text{Lãi suất huy động} > \text{Tỷ lệ lạm phát}$

- Được điều chỉnh tùy theo mức độ rủi ro của khách hàng vay vốn.

Rủi ro càng cao \rightarrow LSTD càng cao

- $LS \text{ cấp tín dụng ngắn hạn} < LS \text{ cấp tín dụng trung và dài hạn}$

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

6. Lãi suất cho vay:

❖ Lãi suất trong hạn:

Áp dụng để tính lãi vay cho khoảng thời gian còn trong thời hạn trả nợ.

❖ Lãi suất quá hạn:

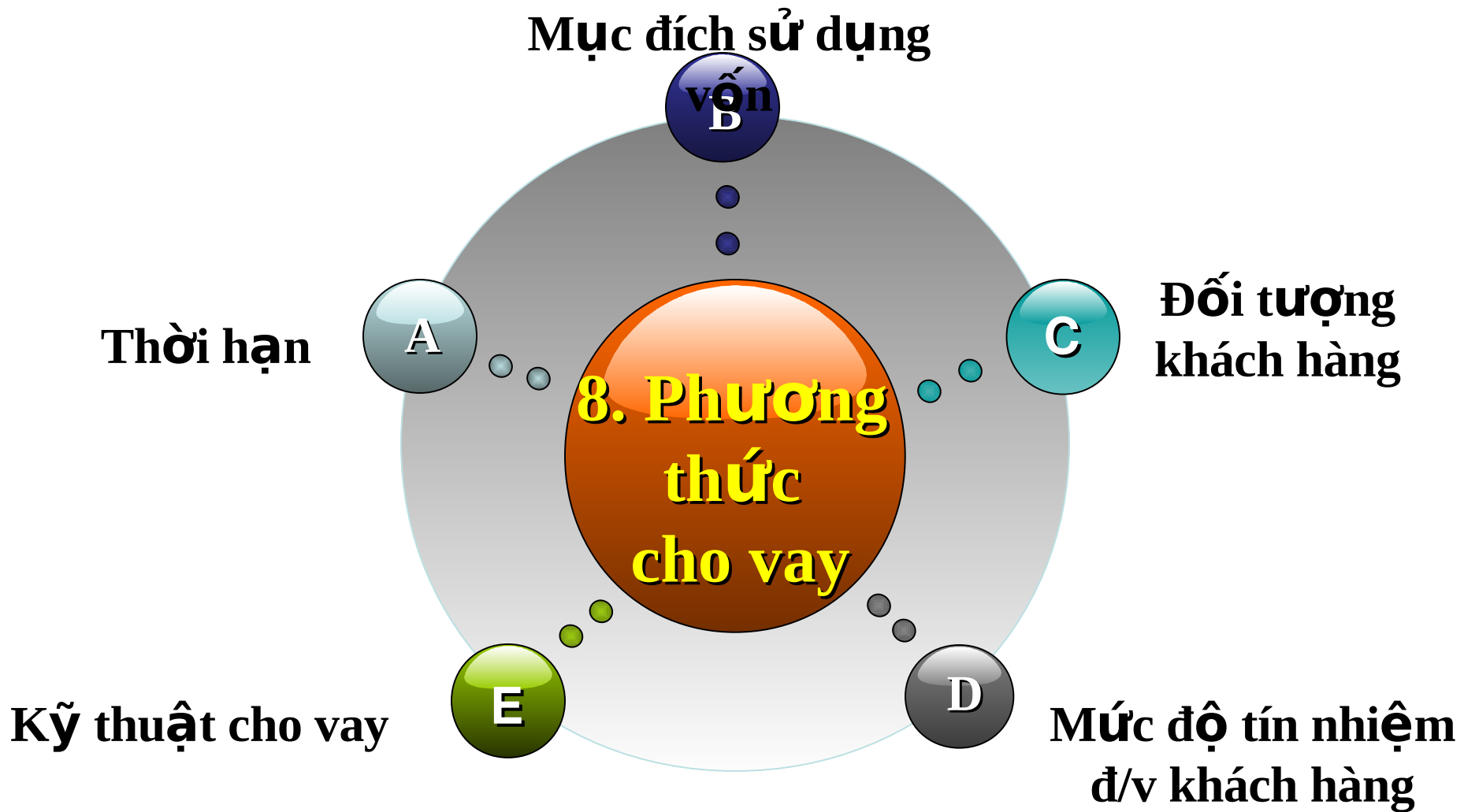
Áp dụng để tính lãi vay kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn trở đi.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

7. Giới hạn cho vay:

- Tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của TCTD. Trừ trường hợp đặc biệt, khi được Chính phủ cho phép đối với từng trường hợp cụ thể thì các TCTD mới được cho vay vượt 15% vốn tự có của mình.
- Tổng mức cho vay và bảo lãnh của TCTD đối với một khách hàng không được vượt quá 25% vốn tự có của TCTD.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG



I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

9. Các khái niệm khác trong nghiệp vụ cho vay:

❖ Giới hạn tín dụng:

Là mức dư nợ tối đa mà NHTM sẵn sàng cấp cho khách hàng.

❖ Kỳ hạn trả nợ:

Là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó khách hàng phải trả nợ cho ngân hàng.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

9. Các khái niệm khác trong nghiệp vụ cho vay:

❖ Gia hạn nợ:

Gia hạn nợ là việc ngân hàng chấp nhận cho khách hàng kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ ngoài thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

- Bước 1: Hướng dẫn khách hàng và tiếp nhận hồ sơ
- Bước 2: Thẩm định hồ sơ vay và lập tờ trình
- Bước 3: Ra quyết định cho vay và thông báo kết quả cho khách hàng
- Bước 4: Lập hợp đồng tín dụng và hoàn tất thủ tục pháp lý về tài sản bảo đảm nợ vay
- Bước 5: Giải ngân
- Bước 6: Kiểm tra, theo dõi khoản vay, thu nợ và tất toán khoản vay

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

1. Hướng dẫn KH và tiếp nhận hồ sơ:

- Tiếp cận khách hàng
- Hướng dẫn cho khách hàng đủ điều kiện về thủ tục và các loại giấy tờ cần thiết
- Tiếp nhận hồ sơ vay

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

Hồ sơ cấp tín dụng:

- Giấy đề nghị cấp tín dụng.
- Phương án sử dụng vốn.
- Hồ sơ pháp lý: bao gồm các giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân của khách hàng như giấy phép kinh doanh, điều lệ công ty, quyết định bổ nhiệm giám đốc, quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng...
- Hồ sơ tài chính: bao gồm các bảng báo cáo tài chính thời kỳ theo yêu cầu của các ngân hàng.
- Hồ sơ về phương án sản xuất kinh doanh: bao gồm các tài liệu về phương án sản xuất kinh doanh.
- Hồ sơ về tài sản đảm bảo: bao gồm các giấy tờ có liên quan đến tài sản thế chấp, tài sản cầm cố hoặc bảo lãnh nợ vay.
- Các giấy tờ liên quan khác theo yêu cầu của các ngân hàng.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

2. Thẩm định hồ sơ vay và lập tờ trình:

Thẩm định là việc thu thập và xử lý những thông tin liên quan đến *khách hàng, phương án vay vốn, tài sản đảm bảo nợ vay...* để làm cơ sở ra quyết định cho vay.

- ❖ Thông tin sử dụng trong công tác thẩm định:
 - Thông tin do khách hàng cung cấp.
 - Thông tin đã được lưu trữ tại ngân hàng.
 - Thông tin từ các đối tượng khác cung cấp.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

2. Thẩm định hồ sơ vay và lập tờ trình:

❖ Nội dung thẩm định :

➤ Thẩm định khách hàng:

Kiểm tra tư cách pháp lý.

Đánh giá khả năng tài chính.

➤ Thẩm định phương án vay vốn

Đánh giá tính khả thi.

Phân tích hiệu quả kinh tế.

Đánh giá khả năng trả nợ.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

2. Thẩm định hồ sơ vay và lập tờ trình:

❖ Nội dung thẩm định:

➤ Tài sản đảm bảo nợ vay:

- Kiểm tra tính hợp lệ của TS đảm bảo.
- Xác định giá trị còn lại của TS đảm bảo.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

2. Thẩm định hồ sơ vay và lập tờ trình:

❖ **Lập tờ trình thẩm định:**

Tờ trình thẩm định là báo cáo kết quả công tác thẩm định và ý kiến đề xuất của nhân viên thẩm định.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

3. Ra quyết định cho vay và thông báo kết quả cho khách hàng:

- Hội đồng tín dụng trực tiếp kiểm tra kết quả thẩm định để làm cơ sở cho việc ra quyết định.
- Trên cơ sở quyết định của HĐTD, nhân viên tín dụng có trách nhiệm thông báo cho khách hàng về quyết định cho vay hoặc từ chối cho vay đối với khách hàng.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

4. Lập hợp đồng tín dụng và hoàn tất thủ tục pháp lý về tài sản đảm bảo nợ vay:

❖ Lập và ký hợp đồng.

➤ Hợp đồng tín dụng:

➤ Hợp đồng thế chấp, cầm cố và các hợp đồng khác.

❖ Thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo và quản lý tài sản bảo đảm nợ vay.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

5. Giải ngân:

❖ Căn cứ giải ngân cho khách hàng:

- Hồ sơ do khách hàng cung cấp.
- Báo cáo thẩm định.
- Hợp đồng tín dụng.
- Hợp đồng đảm bảo nợ vay.
- Chứng từ pháp lý của tài sản đảm bảo.
- Chứng từ chứng minh nhu cầu sử dụng vốn của khách hàng.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

5. Giải ngân:

❖ Tổ chức giải ngân:

- Bộ phận tín dụng tiến hành lập đề nghị giải ngân cho khách hàng.
- Bộ phận kế toán kiểm tra, xử lý chứng từ giải ngân và mở tài khoản cho vay để theo dõi nợ vay.
- Bộ phận ngân quỹ phát tiền cho khách hàng trên cơ sở chứng từ do bộ phận kế toán cung cấp.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

5. Giải ngân:

❖ Hình thức giải ngân:

Tiền mặt.

Chuyển khoản.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

6. Kiểm tra, theo dõi khoản vay, thu nợ, tất toán khoản vay:

❖ Kiểm tra sau khi giải ngân:

- Kiểm tra theo dõi tình hình sử dụng vốn của khách hàng, tình hình tài chính và công nợ của khách hàng

- Kiểm tra, đánh giá lại tài sản bảo đảm nợ vay

❖ Thu nợ:

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

6. Kiểm tra, theo dõi khoản vay, thu nợ, tất toán khoản vay:

❖ **Tất toán khoản vay:**

Hồ sơ vay chỉ tất toán khi bên đi vay thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng (*trước hạn hoặc đúng hạn*):

- Ký thanh lý hợp đồng tín dụng.
- Hoàn trả tài sản đảm bảo nợ vay cho KH
- Lưu trữ hồ sơ vay.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

6. Kiểm tra, theo dõi khoản vay, thu nợ, tất toán khoản vay:

❖ Xử lý nợ vay:

Nếu đến hạn trả nợ, bên đi vay không trả được nợ cho ngân hàng và không được đồng ý gia hạn/điều chỉnh kỳ hạn nợ thì ngân hàng tiến hành xem xét chuyển nợ quá hạn, tiếp tục theo dõi để thu hồi nợ

III. ĐẢM BẢO TÍN DỤNG

1. Khái niệm:

Bảo đảm tiền vay là việc các TCTD áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa rủi ro, tạo cơ sở kinh tế và pháp lý để thu hồi các khoản nợ đã cho khách hàng vay.

III. ĐẢM BẢO TÍN DỤNG

2. Mục đích:

- Nhằm nâng cao trách nhiệm trả nợ của khách hàng vay.
- Nhằm phòng ngừa gian lận.
- Nhằm phòng ngừa rủi ro.

III. ĐẢM BẢO TÍN DỤNG

3. Điều kiện để tài sản được coi là ĐBTD:

- Tài sản phải thuộc quyền sở hữu hợp pháp của khách hàng vay vốn.
- Tài sản phải được pháp luật cho phép chuyển nhượng hợp pháp.
- Tài sản phải có thị trường tiêu thụ. Đây là điều kiện cần thiết để ngân hàng có thể bán hoặc phát mãi tài sản khi khách hàng không trả nợ được.

Khi xem xét điều kiện này phải lưu ý những yếu tố:

- Trên thị trường hiện tại có tài sản đó?
- Tài sản đó có thể bán nhanh chóng hay không?
- Chi phí bán tài sản như thế nào?
- Định giá tài sản đảm bảo đó như thế nào?

III. ĐẢM BẢO TÍN DỤNG

4. Các loại bảo đảm tín dụng:

- Tín chấp
- Bảo đảm bằng tài sản:
 - Bảo đảm tín dụng bằng tài sản thế chấp.
 - Bảo đảm tín dụng bằng tài sản cầm cố.
 - Bảo đảm tín dụng bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Bảo đảm tín dụng bằng hình thức bảo lãnh.